CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp

Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 15/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp[1].

---

[1] Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Thông tư này không quy định việc mua trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành; mua trái phiếu do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành; mua trái phiếu doanh nghiệp giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với nhau; mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi trái phiếu doanh nghiệp dưới hình thức chiết khấu; mua trái phiếu phát hành trên thị trường quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua trái phiếu là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm: Ngân hàng thương mại; công ty tài chính; chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, phát hành trái phiếu để bán cho các đối tượng mua theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 22/2016/TT-NHNN).

c) Cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là người cư trú có liên quan đến hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu doanh nghiệp là loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả gốc, lãi và các nghĩa vụ khác (nếu có) của doanh nghiệp đối với chủ sở hữu trái phiếu.

2. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu.

Điều 3. Nguyên tắc mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Việc mua trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp phải có hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, xếp hạng doanh nghiệp phát hành trái phiếu và ban hành quy định nội bộ về mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan, trong đó có tối thiểu các nội dung:

a) Quy trình, thủ tục thẩm định, phê duyệt và quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp; nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc quyết định, phê duyệt mua trái phiếu doanh nghiệp; quy định về việc quản lý rủi ro trong hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch giữa khâu thẩm định và quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp;

b) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro mua trái phiếu đối với các đối tượng doanh nghiệp, các loại trái phiếu doanh nghiệp;

c) Các chính sách và giới hạn quản lý tín dụng, hệ thống đo lường và quản trị rủi ro, điều kiện, biện pháp và quy trình xử lý rủi ro;

d)[2] Quy định kiểm soát nội bộ hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu phát hành với mục đích thực hiện các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro theo đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm phát hiện các rủi ro, vi phạm pháp luật và đảm bảo khả năng thu hồi tiền gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp;

đ)[3] Quy định cụ thể về các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và chính sách tín dụng, đầu tư vào các lĩnh vực này.

3. Việc mua trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về góp vốn, mua cổ phần.

4. Đồng tiền thực hiện trong giao dịch mua trái phiếu doanh nghiệp là đồng Việt Nam.

5. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác để mua trái phiếu doanh nghiệp.

6.[4] Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong đó có mục đích để cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 4.[5] ***(được bãi bỏ)***

---

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

[3] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

[5] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Thẩm định, kiểm tra phương án và các điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp để xem xét quyết định việc mua trái phiếu doanh nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu:

a) Đối với việc mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành để bán lần đầu (bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng mua số trái phiếu doanh nghiệp còn lại chưa bán hết theo cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp):

(i) Trái phiếu được phát hành theo đúng quy định của pháp luật;

(ii) Mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp hợp pháp và phù hợp với phương án phát hành trái phiếu;

(iii) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có khả năng tài chính để đảm bảo thanh toán đủ gốc và lãi trái phiếu đúng hạn;

(iv) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu cam kết mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

b) Đối với việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp của pháp nhân, cá nhân:

(i) Các yêu cầu quy định tại điểm a khoản này;

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp phải thuộc quyền sở hữu của pháp nhân, cá nhân bán, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang bị cầm cố, thế chấp, bảo đảm cho nghĩa vụ khác; chưa đến hạn thanh toán gốc; được phép giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

a) Hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp tối thiểu phải có các nội dung sau: Số lượng trái phiếu mua, giá mua trái phiếu, tổng số tiền mua trái phiếu, lãi suất trái phiếu; phương thức thanh toán số tiền mua trái phiếu; thời hạn và phương thức thanh toán trái phiếu; xử lý các vi phạm hợp đồng mua trái phiếu của các bên trong hợp đồng; xử lý tranh chấp phát sinh. Các nội dung khác do các bên trong

hợp đồng thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Hợp đồng bảo đảm đối với trường hợp mua loại trái phiếu có bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Theo dõi, giám sát hoặc thông qua đại lý phát hành trái phiếu để theo dõi, giám sát việc sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp; trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành trái phiếu sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nội dung phương án phát hành trái phiếu và cam kết với chủ sở hữu trái phiếu, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yêu cầu doanh nghiệp mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán.

4. Yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán trái phiếu khi đến hạn; trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu không có khả năng thanh toán trái phiếu khi đến hạn, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật, yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khởi kiện doanh nghiệp hoặc bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu vi phạm các cam kết về thanh toán trái phiếu.

5. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật liên quan nhằm đảm bảo khả năng thu hồi tiền gốc và lãi trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 6. Giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổng số dư mua trái phiếu doanh nghiệp được tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định cụ thể các giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp: Mua trái phiếu của một doanh nghiệp phát hành; mua trái phiếu của một doanh nghiệp phát hành và doanh nghiệp liên quan phát hành; mua trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm, không có bảo đảm; mua trái phiếu doanh nghiệp với mục đích để bán, để đầu tư và giữ đến ngày đáo hạn.

3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu chuyển đổi.

Điều 7. Hệ số rủi ro, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Hệ số rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp như sau:

a) Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư trái phiếu và xử lý khoản dự phòng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;

b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện dự phòng rủi ro đối với số dư mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 8. Hạch toán kế toán, thống kê và lưu giữ hồ sơ mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Hạch toán kế toán mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Thực hiện báo cáo thống kê đối với hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Lưu giữ hồ sơ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ tín dụng.

Điều 9. Tổ chức thực hiện[6]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2016 và thay thế Thông tư số 28/2011/TT-NHNN ngày 01 tháng 9 năm 2011 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp.

2. Căn cứ quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi cho Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng ngay sau khi ban hành hoặc khi sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở cho việc thanh tra, giám sát hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Đối với các hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp đã ký kết hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định tại Thông tư này.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

---

[6] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 15/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

2. Đối với các hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp đã ký kết hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định tại Thông tư này."

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC **VIỆT NAM**	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 12 /VBHN-NHNN	*Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2018*
	KT. THỐNG ĐỐC **PHÓ THỐNG ĐỐC**
	Nguyễn Đồng Tiến

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3 (02 bản).